TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 437/2025/QĐST - HNGĐ	*Tân Bình, ngày 03 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 332/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi ở hiện tại: 3 Đ, tổ E, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Và bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở hiện tại: Nhà T, tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn muộn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2018 ngày 24 tháng 10 năm 2018 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà D là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo ông P và bà D thì sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ 3 Đ, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 và kể từ thời điểm đó vợ chồng bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định không còn thương yêu nhau nên yêu cầu

Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân giữa hai người chỉ còn trên danh nghĩa và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông P và bà D.

[2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D có 02 người con chung Trần Thanh P1, sinh ngày 18/01/2009 và Trần Giáng M, sinh ngày 03/11/2013. Hai bên thỏa thuận giao con chung Trần Thanh P1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Giáng M. Thời điểm hiện tại cháu Thanh P1 và cháu G M đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của các cháu. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, cháu Trần Thanh P1 trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với bố sau khi cha mẹ ly hôn, còn cháu Trần Giáng M trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn nên cần phải tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Nhận thấy hai bên đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các con nên Tòa án công nhận thỏa thuận này của các đương sự.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, mặc dù Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng ông P và bà D không yêu cầu. Xét thấy ông P và bà D có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, việc ông P và bà D không yêu cầu một trong các bên cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong việc dân sự này; nếu sau này một trong các bên có tranh chấp về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu ông P và bà D có đủ căn cứ cho rằng một trong các bên không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D xác định không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D thỏa thuận giao con chung Trần Thanh P1, sinh ngày 18/01/2009 cho ông Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao con chung Trần Giáng M, sinh ngày 03/11/2013 cho bà Trần Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P tạm thời chưa yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi cháu Thanh P1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D tạm thời chưa yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi cháu Giáng M.

Hai bên được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D xác định không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Văn P và bà Trần Thị Kim D mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng ông P và bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0003710 ngày 03 tháng 4 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập. Ông P và bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND xã P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính